

Điện Biên Phủ, ngày 29 tháng năm 2025

CÔNG KHAI

Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

Căn cứ Điều 9, Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trường TH-THCS Hermann Gmeiner công khai về kế hoạch và hoạt động giáo dục của nhà trường như sau:

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh và các thông tin liên quan:

Căn cứ Công văn hướng dẫn tuyển sinh số 626/PGDĐT-GDMN ngày 06/5/2025 của Phòng GD&ĐT TP Điện Biên Phủ về việc huy động trẻ mầm non đến trường và tuyển sinh lớp 1 năm học 2025-2026; Kế hoạch số 729/PGDĐT-THCS ngày 26/5/2025 của Phòng GD&ĐT về việc Hướng dẫn thực hiện Kế hoạch tuyển sinh lớp 6 năm học 2025-2026, Trường TH-THCS Hermann Gmeiner đã ban hành kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026 (kế hoạch số 40/KH-HGS ngày 09/5/2025).

1. Đối tượng tuyển sinh:

- Đối với lớp 1: Tổ chức xét tuyển 100% học sinh trong độ tuổi đã được công nhận hoàn thành chương trình mẫu giáo.

- Đối với lớp 6: Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình tiểu học. Những trường hợp đặc biệt:

+ Những học sinh được học vượt lớp hoặc học sinh được vào học tiểu học độ tuổi cao hơn tuổi quy định thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm tốt nghiệp tiểu học.

+ Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học cao hơn 3 tuổi so với tuổi quy định.

+ Học sinh không được lưu ban quá 3 lần trong một cấp học.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Tuyển 100% số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học trên địa bàn phố 4,5,6 phường Thanh Trường và học sinh các xã, phường có nguyện vọng học tại trường, số đối tượng phải PCGD THCS và theo dõi.

- Cấp THCS: 04 lớp, 109 học sinh.

- Cấp Tiểu học: 05 lớp, 139 học sinh.

3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

4. Thời gian tuyển sinh:

- Nhận hồ sơ lớp 1: Từ ngày 01/6/2025, đến ngày 15/7/2025.

- Lớp 6: Từ ngày 01/6/2025 đến ngày 20/6/2025.

- Các lớp khác: Từ ngày 01/6/2025, đến ngày 01/8/2025.

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục:

Năm học 2025-2026, nhà trường đã ban hành kế hoạch giáo dục (Kế hoạch số 72/KHGD-TH ngày 03/9/2025 – Cấp Tiểu học; Kế hoạch số 73/KH-HGS ngày 03/9/2025 – Cấp THCS) xác định chỉ tiêu, nhiệm vụ, chương trình giáo dục:

Quy định thời gian học:

* Học kỳ I: Từ ngày 08/9/2025 - 16/01/2026.

* Học kỳ II: Từ ngày 19/01/2026 - 31/5/2026.

Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục:

* Cấp Tiểu học:

T T	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5			
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	
I. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																	
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119	
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85	
3	Ngoại ngữ 1(TA)							140	72	68	140	72	68	140	72	68	
4	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	
5	TN&XH	70	36	34	70	36	34	70	36	34							
6	Khoa học										70	36	34	70	36	34	
8	LS&ĐL										70	36	34	70	36	34	
8	Nghệ thuật	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		Mĩ thuật t	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	Tin học và CN /KT							70	36	34	70	36	34	70	36	34	
10	GDTC (Thể dục)	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	
11	Hoạt động trải nghiệm	105	54	41	105	54	41	105	54	41	105	54	41	105	54	41	
	Tăng cường Tiếng Việt	35	18	17	35	18	17	35	18	17							
12	Độc thư viện	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	
	GD địa phương	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10	

II. Môn học tự chọn																
1	Tiếng dân tộc thiểu số															
2	Ngoại ngữ 1 (lớp 1, 2)	70	36	34	70	36	34									
III. Hoạt động củng cố, tăng cường																
1	BD-RKN	70	36	34	70	36	34	35	18	17	0	0	0	0	0	0
TỔNG																
Tổng số tiết/năm học (không kể các môn học tự chọn)		1012	560	452	1012	560	452	1072	552	520	1107	570	537	1107	570	537
Số tiết trung bình/tuần (Không kể các môn học tự chọn)		28		28		28		31		31		32		32		32
Số tiết tự chọn/tuần		2		2		2		0		0		0		0		0
Số tiết củng cố, tăng cường/tuần		2		2		2		1		1		0		0		0
Số tiết/tuần		32		32		32		32		32		32		32		32
Số buổi dạy/tuần		9		9		9		9		9		9		9		9
Tổng số tiết/ năm học		1016		1016		1016		1073		1073		1107		1107		1107

*** Cấp THCS:**

STT	Môn học	Số tiết từng môn của lớp 6			Số tiết từng môn của lớp 7			Số tiết từng môn của lớp 8			Số tiết từng môn của lớp 9		
		HK 1	HK 2	CN	HK 1	HK 2	CN	HK 1	HK 2	CN	HK 1	HK2	CN
1	Ngữ Văn	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
2	Toán	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
3	Tiếng Anh	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
4	KHTN (Lí, Hóa, Sinh)	76	64	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
5	Lịch sử & Địa lí	54	51	105	56	49	105	54	51	105	54	51	105
6	Tin	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
7	Công nghệ	18	17	35	18	17	35	18	34	52	18	34	52
8	GDCD	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
9	Giáo dục thể chất	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70
10	Mỹ thuật	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35

11	Âm nhạc	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
12	HĐTN, H N	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
13	GDDP	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
Tổng số Tiết													
Số tiết/tuần (Cả năm học)		1015/35 = 29 tiết/tuần			1015/35 = 29 tiết/tuần			1032/35 = 29.5 tiết/ tuần			1032/35 = 29.5 tiết/tuần		

* Chỉ tiêu: Kết thúc năm học 2025-2026, kết quả giáo dục nhà trường đạt được:

- 100% học sinh có phẩm chất xếp loại Khá trở lên.
- 100% học sinh có năng lực xếp loại Đạt trở lên.
- Kết quả học tập: 99.7% từ mức Hoàn thành/Đạt trở lên.
- 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học.
- 100% học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS và học tiếp cấp THPT.
- Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: huy động 100% học sinh tham gia và đạt kết quả khá, tốt.
- Tỷ lệ học sinh hoàn thành xuất sắc (Tiểu học), học sinh xuất sắc, giỏi (cấp THCS) toàn trường đạt từ 35% trở lên.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh:

Hàng năm nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch phối hợp việc chăm sóc, giáo dục học sinh, với các nội dung chủ yếu sau:

Về phía nhà trường

- Nhà trường xây dựng triển khai kế hoạch năm học, phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện CMHS trong việc giáo dục đạo đức và quản lý học sinh; chăm lo các điều kiện phục vụ cho việc học tập, rèn luyện và phát triển của học sinh.
- Thông báo chất lượng học tập và rèn luyện đạo đức của học sinh vào giữa, cuối học kỳ I và cuối năm học.
- Tổ chức họp phụ huynh theo định kỳ ít nhất 3 lần/năm để thông báo tình hình học tập rèn luyện của học sinh và đưa ra giải pháp cùng phối hợp giáo dục học sinh. Xin ý kiến CMHS để có biện pháp giáo dục hiệu quả.
- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm phối hợp với Trưởng ban đại diện CMHS sử dụng kinh phí của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thông báo kịp thời các hiện tượng tiêu cực xảy ra ở trong trường để hội phụ huynh học sinh và địa phương nắm được.

- Kết hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trao đổi tổ chức thành công các ngày lễ lớn như: Lễ khai giảng, 20/11... các hoạt động ngoại khóa bộ môn, tiết học thực tế, sinh hoạt chuyên đề, hoạt động trải nghiệm....

Ban đại diện CMHS

- Ban đại diện hội cha mẹ học sinh tổ chức hoạt động theo Điều lệ Ban ĐD CMHS do Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT BGDDT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh trường phối hợp với Hiệu trưởng và ban liên tịch nhà trường tìm ra những biện pháp hữu hiệu để cho HS học tập tốt nhất. Có trách nhiệm quản lý HS học tập, sinh hoạt trong thời gian tự học và dịp nghỉ hè.

- Phối hợp và đề xuất với nhà trường về việc giáo dục đạo đức cho HS; động viên khuyến khích những HS đạt kết quả cao trong học tập, HSG các môn văn hóa; bồi dưỡng HS Yếu- Kém; tìm hiểu hoàn cảnh gia đình, vận động HS đã bỏ học hoặc có nguy cơ bỏ học tiếp tục đến trường.

- Phối hợp với nhà trường giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho HS nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc vi phạm pháp luật của HS, nhất là bạo lực học đường, HS đi xe máy không đúng qui định và các tệ nạn xã hội khác.

- Động viên kịp thời đối với các thầy, cô giáo nhân các ngày lễ lớn, đặc biệt là ngày 20/11.

- Có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của phụ huynh các lớp báo cáo với Hiệu trưởng để tìm ra những biện pháp giải quyết hữu hiệu nhất.

- Phối hợp với nhà trường làm tốt công tác vận động tài trợ cho giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường.

- Thường xuyên nắm bắt tình hình trong dạy và học của nhà trường để kịp thời góp ý để nhà trường khắc phục những hạn chế và thực hiện thành công những chỉ tiêu đã đề ra trong năm học 2025-2026.

- Phân công 01 thành viên trong Ban ĐDCMHS thực hiện hồ sơ sổ sách.

- Trưởng ban ĐDCMHS xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban ĐDCMHS từng năm học, có trách nhiệm báo cáo tổng kết hoạt động trước hội nghị CMHS đầu năm học.

- Chủ trì các cuộc họp Ban ĐDCMHS cùng nhà trường.

- Cùng nhà trường ký kết thực hiện ATGT, ANTT và các chương trình khác theo yêu cầu nâng cao chất lượng dạy và học cho từng năm học.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục:

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch giáo dục cho học sinh khuyết tật, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện; Có kế hoạch bồi dưỡng học sinh

năng khiếu ở các bộ môn.

Nhà trường phối hợp với tổ chức Đoàn thanh niên của Làng trẻ em SOS, của xã, phường để quản lý, tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập cho học sinh.

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh: Được công khai tại khu bếp ăn.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

TT	Số liệu	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Tổng số học sinh	244	287
	Nữ	105	113
	Dân tộc thiểu số	93	128
	Khối lớp 1	23	24
	Khối lớp 2	31	24
	Khối lớp 3	28	33
	Khối lớp 4	34	30
	Khối lớp 5	30	36
	Khối lớp 6	35	58
	Khối lớp 7	25	36
	Khối lớp 8	20	26
	Khối lớp 9	18	20
2	Tổng số tuyển mới	56	82
3	Học 2 buổi/ngày	146	287
4	Bình quân số học sinh/lớp	27	28
5	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	229/244 = 94.2%	275/287 = 95.8%
	- Nữ	100/105 = 95.3	107/113 = 94.7
	- Dân tộc	83/93 = 89.2	118/128 = 92.2
	Khuyết tật	1	1

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

* **Khối Tiểu học:** Tổng số 146 em học sinh chia thành 05 lớp, trong đó:

- Môn học và các hoạt động GD: Hoàn thành Tốt: $94/146 \text{ em} = 64.4\%$; Hoàn thành: $52/146 = 35.6\%$; Chưa hoàn thành: 0

- Năng lực: Tốt $102/146 = 69.9\%$, Đạt $44/146 = 30.1\%$, Cần cố gắng: 0

- Phẩm chất: Tốt $110/146 = 75.3\%$, Đạt $36/146 = 24.7\%$, Cần cố gắng: 0

* **Khối THCS:** Tổng số có 98 học sinh chia thành 04 lớp, trong đó:

- Kết quả học tập: Tốt: $24/98 = 24.5\%$; Khá: $33/98 = 33.7\%$; Đạt: $41/98 = 41.8\%$; CĐ: 0

- Kết quả rèn luyện: Tốt: $78/98 = 79.6\%$; Khá: $20/98 = 20.4\%$; Đạt, CĐ: 0

* Học sinh được lên lớp: $244/244$ đạt 100%

* Học sinh lưu ban: 0

* **Chất lượng các cuộc thi, hội thi:**

- Thi chọn Học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9: Cấp thành phố đạt 01 giải Ba, 03 giải Khuyến khích; Cấp tỉnh đạt: 02 giải ba, 01 giải Khuyến khích.

- Thi KHKT cấp thành phố: 01 dự án KHKT đạt giải KK.

- Thi Sáng tạo TTN: đạt 01 giải Khuyến khích.

- Các cuộc thi trên mạng:

* Cấp THCS:

- Thi IOE đạt: Cấp trường 04 giải; Cấp thành phố: 03 giải; cấp tỉnh 03 giải; Cấp Quốc gia: 01 giải.

- Thi Toán Violympic: Cấp trường 04 giải; cấp thành phố: 09 giải; cấp tỉnh 03 giải; cấp Quốc gia 0.

- VioEdu: 01 giải cấp tỉnh môn Tổng hợp.

* Cấp Tiểu học: Học sinh Tiểu học tham gia các cuộc thi Toán trên mạng; Trạng nguyên Tiếng Việt; Tiếng anh trên mạng đạt giải cấp trường: 133 em.

- Thi IOE đạt: cấp trường 08 giải; đạt cấp thành phố: 04 giải; cấp tỉnh 05 giải.

- Thi Toán Violympic: cấp trường 58 giải; cấp thành phố: 52 giải; cấp tỉnh 23 giải; cấp Quốc gia 4.

- Trạng nguyên Tiếng Việt: cấp thành phố: 39 giải; cấp tỉnh 16 giải.

- VioEdu: 03 giải cấp tỉnh môn Tổng hợp, 04 giải cấp tỉnh môn Tiếng Anh.

- Các hoạt động phong trào, hoạt động thi đua cũng được nhà trường thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả cao

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh

được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Số HS được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 31/31 đạt 100%
- Số HS được công nhận tốt nghiệp THCS: 18/18 đạt 100%..

Trên đây là Công khai kế hoạch và kết quả giáo dục của trường TH-THCS Hermann Gmeiner./.

Nơi nhận:

- CBGVNV (t/h);
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Trắc